TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 95/2019/HNGĐ-ST
Ngày:01- 10 - 2019
V/V tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Đặng Thế Ứng**.
2. Bà **Lý Thị Bé Năm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Nhàn** - Cán bộ TAND thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1966. (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2. Bị đơn: Bà **Phan Thị M**, sinh năm 1971. (Có mặt)
HKTT: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Nơi cư trú hiện nay: Khu A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:* Do quen biết trước ông Nguyễn Văn V và bà Phan Thị M được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hạp tánh tình, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2010 cho đến nay. Nay ông V yêu cầu xin được ly hôn với bà M, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên đoàn tụ lại sống không hạnh phúc.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị V, sinh ngày 07/3/1992 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 08/9/2000. Về con chung hiện đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, nên không đặt ra yêu cầu để giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Để vợ chồng tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Phan Thị M trình bày:* Về quan hệ hôn nhân bà M xác định, bà M và ông V được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 1989 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ sống không hòa hợp với nhau nên cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông V. Về tài sản chung, nợ chung để vợ chồng tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu Tòa án để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp xin ly hôn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Do quen biết trước ông Nguyễn Văn V và bà Phan Thị M được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới với nhau từ năm 1989, không có đăng ký kết hôn. Sau khi về sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm nhau trong cuộc sống, sống với nhau không hạp tánh tình, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên; vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2010 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay ông V vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bà M, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, nên đòan tụ lại sống không hạnh phúc. Phía bà M tại phiên tòa hôm nay cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông V. Tuy nhiên, do quan hệ vợ chồng giữa ông V và bà M được xác lập vào năm 1989 cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vì vậy, căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn V và bà Phan Thị M.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị V, sinh ngày 07/3/1992 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 08/9/2000. Về con chung hiện đã thành niên và có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, ông V và bà M không đặt ra yêu cầu để giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo ông V và bà M thống nhất với nhau để vợ chồng tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Nếu sau này giữa ông V, bà M không thỏa thuận được với nhau mà có xảy ra tranh chấp thì ông V, bà M được quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác khi có đơn yêu cầu.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí .

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn V và bà Phan Thị M.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16581 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cai Lậy; nên ông V đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- UBND xã Long Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn